TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2026/HS-ST
Ngày 10-02-2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Danh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Thiện.
Bà Trần Thị Hải.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng – thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 12 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đàm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Đồng Nai, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 32/2025/TLST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: Vũ Thị Thu O; tên gọi khác: Không, giới tính: Nữ; sinh năm: 1970, tại TP: Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Thôn A, xã T, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; CCCD số: ..6170012335; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Cha: Vũ Hữu B, (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị Q (đã chết); Chồng: Nguyễn Đức G (đã chết); bị cáo có 02 con, sinh năm 1993 và 2001; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/11/2025, tại Phân Trại tạm giam khu vực Bù Đăng cho đến nay (có mặt).

Bị hại: Lê Văn H, sinh năm 1970 (có mặt).
Địa chỉ: Thôn H, xã B, tỉnh Đồng Nai
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Triệu Thị N, sinh năm 1970 (có mặt).
Địa chỉ: Thôn A, xã T, tỉnh Đồng Nai.
2. Lê Thị Bé Q, sinh năm 1982 (có mặt).
Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, tỉnh Đồng Nai
3. Lê Thị Bé N, sinh năm 1983 (có mặt).
Địa chỉ: Thôn S, xã T, tỉnh Đồng Nai
4. Thạch Thị H, sinh năm 1983 (có mặt).
Địa chỉ: Thôn S, xã T, tỉnh Đồng Nai
5. Điểu V, sinh năm 1985 (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn A, xã T, tỉnh Đồng Nai.
6. Lê Thị B, sinh năm 1970 (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn H, xã B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/11/2024, anh Điểu V có làm hợp đồng bán 5,2 ha điều bông (quyền khai thác hạt điều) tại thửa đất số 35, tờ bản đồ số 71, thuộc thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là thôn A, xã T, tỉnh Đồng Nai) cho Vũ Thị Thu O với giá 80.000.000đồng. Vũ Thị Thu O đặt cọc cho anh Điểu V 50.000.000đồng nhưng đến ngày 26/11/2024, do không đủ tiền nên Vũ Thị Thu O xin hủy hợp đồng mua bán trước đó và được anh Điểu V đồng ý, hai bên làm giấy chuộc rẫy và anh Điểu V đã trả lại cho Vũ Thị Thu O 50.000.000đồng.

Do không có tiền nên Vũ Thị Thu O nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Vũ Thị Thu O đã liên hệ bà Triệu Thị N để tìm người mua điều bông cho mình. Sau đó, bà N nhờ Lê Thị Bé Q, Lê Thị Bé N và Thạch Thị H tìm người mua rẫy bông của Vũ Thị Thu O. Ngày 05/12/2024, Triệu Thị N, Lê Thị Bé Q, Lê Thị Bé N và Thạch Thị H dẫn ông Lê Văn H đến gặp Vũ Thị Thu O để đi xem rẫy điều bông. Vũ Thị Thu O dẫn mọi người đến vườn điều của gia đình anh Điểu V tại thửa đất số 35, tờ bản đồ số 71. Vũ Thị Thu O nói đây là rẫy là của Vũ Thị Thu O đã mua lại điều bông của chủ vườn cần bán lại với giá 98.000.000đồng, do tin tưởng nên ông Lê Văn H đồng ý mua. Sau đó cả nhóm về nhà Vũ Thị Thu O để làm hợp đồng mua bán và giao nhận tiền. Sau khi nhận được tiền của ông Lê Văn H, Vũ Thị Thu O đưa cho Triệu Thị N 8.000.000đồng tiền công môi giới, Triệu Thị N chia cho Lê Thị Bé Q, Lê Thị Bé N và Thạch Thị H mỗi người 2.000.000đồng.

Ngày 11/12/2024, Vũ Thị Thu O liên lạc với ông Lê Văn H nói có diện tích điều bông khoảng 4,8ha tại thôn A, xã T, tỉnh Đồng Nai cần bán với giá 97.000.000đồng, cả hai hẹn nhau đi xem đất rồi quay về nhà ông Lê Văn H tại thôn H, xã B, tỉnh Đồng Nai để làm hợp đồng mua bán. Do trước đó ông Lê Văn H biết Vũ Thị Thu O lừa bán đất không phải của mình nên đã trình báo cơ quan công an đến lập biên bản, tố cáo hành vi của Vũ Thị Thu O.

Về vật chứng vụ án: Lưu cùng hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và người liên quan đã khắc phục được 53.000.000đồng. Người bi hại Lê Văn H yêu cầu bị cáo trả lại số tiền còn lại là 45.000.000đồng cho vợ chồng ông là Lê Văn H và bà Lê Thị B. Hiện nay bị cáo chưa trả.

Tại bản cáo trạng số: 17/CT –VKS ngày 29/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai truy tố bị cáo Vũ Thị Thu O về "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Thị Thu O phạm "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Vũ Thị Thu O từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Tại phiên tòa bị cáo Vũ Thị Thu O khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình

phạt cho bị cáo, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên toà bị cáo Vũ Thị Thu O khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai đã truy tố đối với các bị cáo, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở để khẳng định: Ngày 05/12/2024, Vũ Thị Thu O đã đưa ra thông tin gian dối là mình có diện tích 5,2ha đất trồng cây điều thửa đất số 35 tờ bản đồ số 71 tại thôn A, xã T, tỉnh Đồng Nai (thực tế diện tích đất này của gia đình anh Điểu V) cần bán điều bông, để ông Lê Văn H tin tưởng thực hiện hợp đồng mua bán điều bông chiếm đoạt của ông Lê Văn H tổng số tiền 98.000.000đồng. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét toàn bộ vụ án, tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài không qua lao động chân chính nên bị cáo đã sử dụng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ, Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Như vậy, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự, vì vậy cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi quyết định hình phạt.

Đối với việc ngày 11/12/2024, Vũ Thị Thu O liên lạc với ông Lê Văn H nói có diện tích điều bông khoảng 4,8ha tại thôn A, xã T, tỉnh Đồng Nai cần bán với giá 97.000.000đồng, cả hai hẹn nhau đi xem đất rồi quay về nhà ông Lê Văn H tại thôn H, xã B, tỉnh Đồng Nai để làm hợp đồng mua bán. Do trước đó ông Lê Văn H đã biết Vũ Thị Thu O lừa bán đất không phải của mình nên đã trình báo cơ quan

công an đến lập biên bản, tố cáo hành vi của Vũ Thị Thu O nên không có cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự.

Về vật chứng vụ án: Lưu cùng hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã khắc phục được 53.000.000đồng. Bị cáo đồng ý trả số tiền còn lại là 45.000.000đồng cho ông Lê Văn H và bà Lê Thị B nên cần ghi nhận.

[6]. Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7]. Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo Vũ Thị Thu O là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Vũ Thị Thu O phạm "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Vũ Thị Thu O 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/11/2025. Quyết định tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về vật chứng vụ án: Lưu cùng với hồ sơ vụ án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Vũ Thị Thu O trả lại cho ông Lê Văn H và bà Lê Thị B số tiền còn lại là 45.000.000đồng.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Vũ Thị Thu O phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.250.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- VKSND nhân dân khu vực 12;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Danh

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đồng ý bồi thường cho người bị hại số tiền 80.000.000đồng, bị cáo Nguyễn Xuân Bắc đã tác động gia đình bồi thường trước cho người bị hại 9.000.000đồng còn lại 71.000.000đồng nên cần ghi nhận. Trong đó bị cáo Nguyễn Xuân Bắc tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 31.000.000đồng, bị cáo Ngô Hồng Khanh bồi thường cho bị hại số tiền 40.000.000đồng.

Đối với Trần Quốc Cương không có hành vi giúp sức cho bị cáo Ngô Hồng Khanh, Nguyễn Xuân Bắc trong việc gây ra thương tích cho bị hại Huỳnh Hoàng Phi nên không có căn cứ xử lý, Cơ quan điều tra không đề nghị, Viện kiểm sát không đề cập nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với hành vi của Ân, Tư, Liêm không xác định được nhân thân, lý lịch quá trình điều tra chưa làm việc được nên Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục xác minh xử lý sau, Viện kiểm sát không đề cập nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với việc bà Nguyễn Thị Đường bồi thường thay cho bị cáo Nguyễn Xuân Bắc số tiền 9.000.000đồng hiện nay bà không có ý kiến yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về vật chứng vụ án: Đối với 01 con dao tự chế, lưỡi bằng kim loại dài 41cm, một cạnh sắc, mũi bằng, cán bằng kim loại dài 54cm, căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 con dao rựa Nguyễn Xuân Bắc sử dụng gây thương tích cho bị hại, Nguyễn Xuân Bắc đã vứt bỏ xuống khu vực cầu Sông Lấp không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các các bị cáo, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Vào ngày 19/5/2021, Y Thị Huệ và Ngô Văn Kha đưa cho ông Phạm Văn Giang xem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc, đồng thời đưa ra thông tin gian dối rằng vợ chồng ông Sinh, bà Prốt đã bán thửa đất cho vợ chồng Kha, Huệ (giấy sang nhượng đất, do Huệ tự viết), thửa đất có diện tích 10.071m^2 toạ lạc tại tiểu khu 144, xã Đắk Nhau, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước để lừa lấy của ông Giang 495.000.000đồng tại tiểu khu 144, xã Đắk Nhau, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm và hành vi phạm tội.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Y Thị Huệ và Ngô Văn Kha đã phạm vào Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 3, Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản: "1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12, tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét thấy trước đây vào ngày 10/12/1999, bị cáo Ngô Văn Kha bị Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 15 năm tù giam về Tội giết người theo khoản 1 điều 101 bộ luật Hình sự năm 1985 theo bản án số 75 ngày 10/12/1999/HSST. Trong quá trình điều tra, xét xử. Cơ quan tiến hành tố tụng phát hiện Ngô Văn Kha có dấu

hiệu bị bệnh Tâm thần, cơ quan điều tra, Tòa án đã đưa Ngô Văn Kha đi giám định và bắt buộc chữa bệnh tại Bệnh viện tâm thần Biên Hòa - Đồng Nai. Sau thời gian điều trị bắt buộc, tại bản giám định pháp y tâm thần, sau thời gian điều trị bắt buộc số 101/GĐPYTT ngày 29/7/99 của Tổ chức giám định pháp y tâm thần Biên Hòa - Đồng Nai, kết luận : "Đương sự bị bệnh trầm cảm phản ứng, biến đổi nhân cách thực tốn đã ổn định tốt, có thể đưa về xét xử được, sau khi xét xử Đến ngày 31/8/2005 được đặc xá về địa phương sinh sống, bị cáo đã được xoá án tích. Sáu đó bị cáo phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trong quá trình điều tra truy tố và tại phiên toà bị cáo hoàn toàn tỉnh táo và nhận thức được hành vi của mình. Như vậy các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Nhưng lại muốn có tiền tiêu xài không qua lao động chân chính. Các bị cáo đã sử dụng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác, hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, hành vi của các bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương.

[3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năm hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xét toàn bộ tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.